TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2021.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quyền T, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980.

Cùng HKTT: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quyền T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003, đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông C thường có những lời nói và hành động không tôn trọng bà. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến đầu năm 2021 thì bà đã chuyển ra ngoài sống riêng cho đến nay. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thuyết K, sinh ngày 24/11/2003 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/12/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tạm thời bà không yêu cầu ông C đóng góp cho bà tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Quyền T. Cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thuyết K, sinh ngày 24/11/2003 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/12/2009. Căn cứ nguyện vọng của cháu K và cháu T, ý kiến của bà T và điều kiện nuôi con của bà T, bà T có thu nhập ổn định trung bình 11.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử xét giao cháu T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà T khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quyền T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003 và được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông C thường có những lời nói và hành động không tôn trọng bà. Vợ chồng sống chung nhưng vẫn không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông C đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Ông C đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thuyết K, sinh ngày 24/11/2003 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/12/2009. Căn cứ nguyện vọng của cháu K và cháu T, ý kiến của bà T và điều kiện nuôi con của bà T, bà T có thu nhập ổn định trung bình 11.000.000 đông/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Quyền T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Quyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Nguyễn Thuyết K, sinh ngày 24/11/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quyền T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0006131 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND M, huyện L, tỉnh An Giang (Giấy CNKH số 252 ngày 15/11/2013);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm